

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			2010	2009	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.1	324.849.276.709	21.208.317.602	324.849.276.709	21.208.317.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		324.849.276.709	21.208.317.602	324.849.276.709	21.208.317.602
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	328.614.872.814	13.949.042.654	328.614.872.814	13.949.042.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		(3.765.596.105)	7.259.274.948	(3.765.596.105)	7.259.274.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	9.687.944.630	96.982.615	9.687.944.630	96.982.615
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.027.269.132	64.677.733	1.027.269.132	64.677.733
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		990.551.332	6.300.000	990.551.332	6.300.000
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5.	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6.	2.750.739.178	1.083.758.553	2.750.739.178	1.083.758.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.144.340.215	6.207.821.277	2.144.340.215	6.207.821.277
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	2.082.000	599.251.584	2.082.000	599.251.584
12. Chi phí khác	32	VI.8.	-	204.100.026	-	204.100.026
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		2.082.000	395.151.558	2.082.000	395.151.558
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		2.146.422.215	6.602.972.835	2.146.422.215	6.602.972.835
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	-	15.052.296	-	15.052.296
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.146.422.215	6.587.920.539	2.146.422.215	6.587.920.539
17. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG

SÀI GÒN

QUẬN 12 TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG